

**[GIẢI CHI TIẾT] Đề thi thử môn Địa sử GD&ĐT tỉnh Nam Định
năm 2019**

Thời gian làm bài: 50 phút (Không kể thời gian phát đề)

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Câu 1: Một trong các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là phát triển

A. cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả nhiệt đới.

B. cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

C. cây lương thực, cây thực phẩm, cây đặc sản vụ đông.

D. cây lương thực, cây ăn quả, cây đặc sản và trồng rừng.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây không phải của vùng đồng bằng sông Hồng?

A. Khí hậu có mùa đông lạnh do ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc

B. Địa hình chủ yếu là đồng bằng, đồi núi chỉ chiếm diện tích nhỏ ở phía đông, đông nam.

C. Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, có trình độ.

D. Là vùng trọng điểm lớn thứ hai cả nước về sản xuất lương thực, thực phẩm.

Câu 3: Kim ngạch xuất khẩu nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do tác động của việc

A. đẩy mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa

B. đẩy mạnh khai thác khoáng sản các loại.

C. mở rộng và đa dạng hóa nhiều thị trường.

D. tham gia nhiều thành phần kinh tế.

Câu 4: Vai trò của vùng duyên hải Nam Trung Bộ với Tây Nguyên, Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan sẽ ngày càng quan trọng hơn cùng với việc

A. nâng cấp sân bay nội địa và quốc tế trong vùng.

B. xây dựng đường Hồ Chí Minh qua vùng.

C. phát triển và nâng cấp các tuyến đường ngang trong vùng.

D. nâng cấp quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam.

Câu 5: Sự màu mỡ của đất feralit ở miền đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

A. nguồn gốc của đá mẹ.

B. quá trình xâm thực - bồi tụ.

C. điều kiện khí hậu của vùng núi.

D. kĩ thuật canh tác của con người.

Câu 6: Đảo lớn nhất khu vực Đông Nam Á và lớn thứ ba trên thế giới là

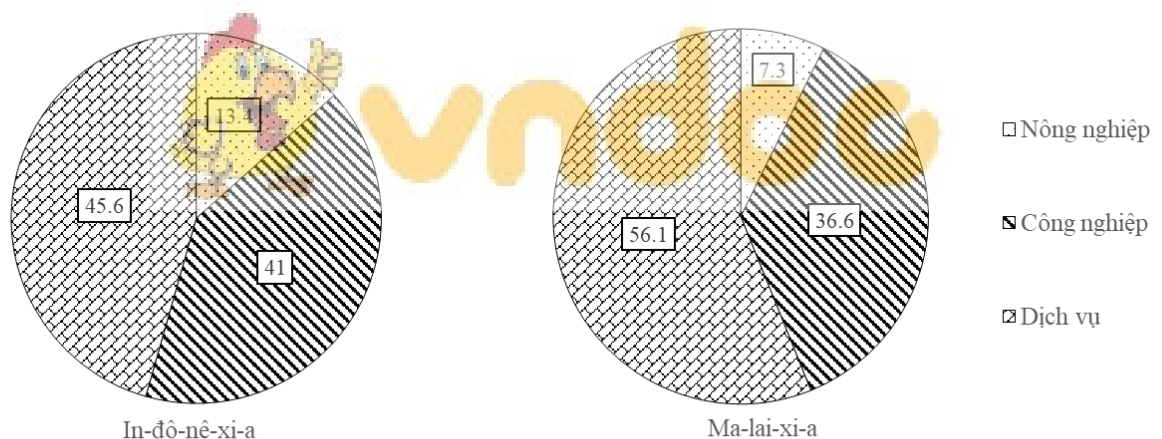
A. Gia-va

B. Lu-xôn.

C. Xu-ma-to-ra

D. Ca-li-man-ta

Câu 7: Cho biểu đồ: Căn cứ vào biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a năm 2016?



A. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a có tỉ trọng ngành công nghiệp cao nhất trong cơ cấu.

B. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a có tỉ trọng ngành dịch vụ cao nhất trong cơ cấu.

C. In-đô-nê-xi-a có tỉ trọng ngành nông nghiệp thấp hơn Ma-lai-xi-a

D. Ma-lai-xi-a có tỉ trọng ngành công nghiệp cao hơn In-đô-nê-xi-a

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa Việt Nam trang 19, hai tỉnh có diện tích trồng lúa (năm 2007) lớn nhất nước ta là

A. An Giang và Kiên Giang.

B. Kiên Giang và Long An.

C. Kiên Giang và Đồng Tháp

D. An Giang và Long An.

Câu 9: Sản xuất công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ chưa tương xứng với tiềm năng chủ yếu do

A. hậu quả của chiến tranh.

B. cơ sở hạ tầng yếu kém.

C. thiên tai xảy ra nhiều.

D. thiếu tài nguyên thiên nhiên.

Câu 10: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất cần cải tạo ở nước ta hiện nay là

A. đất mặn.

B. đất phèn.

C. đất xám bạc màu.

D. đất than bùn, glây hóa

Câu 11: Cho bảng số liệu: Giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Phi-líp-pin, giai đoạn 2010 - 2016 (Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ) (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB thống kê, 2017) Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Phi-líp-pin giai đoạn 2010 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

Năm	2010	2012	2014	2016
Xuất khẩu	69,5	77,1	82,2	83,1
Nhập khẩu	73,1	85,2	92,3	104,2

A. Kết hợp

B. Cột

C. Miền

D. Đường

Câu 12: Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực trong điều kiện đất nông nghiệp có hạn ở nước ta là

A. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

B. trồng nhiều cây hoa màu.

C. khai hoang mở rộng diện tích.

D. phát triển mô hình vườn - ao - chuồng (V.A.C).

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự phân hóa lượng mưa theo không gian ở nước ta là

A. tác động của gió mùa

B. sự phân hóa của độ cao địa hình.

C. tác động của các dãy núi.

D. tác động kết hợp của gió mùa và địa hình.

Câu 14: Việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước ta mang lại ý nghĩa nào dưới đây?

A. Nhằm thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

B. Đảm bảo cho dân cư giữa các vùng lãnh thổ phân bố đều hơn.

C. Thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nước ta

D. Nhằm sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác tài nguyên.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (năm 2007) là

A. Vĩnh Phúc

B. Bắc Ninh.

C. Quảng Ninh.

D. Phú Thọ.

Câu 16: Nguồn lợi tổ chim yến của nước ta phân bố chủ yếu ở các đảo đá thuộc vùng biển của khu vực

A. Đông Nam Bộ.

B. vịnh Bắc Bộ.

C. duyên hải Nam Trung Bộ

D. vịnh Thái Lan.

Câu 17: Cho bảng số liệu: GDP NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2000 VÀ 2016 (Đơn vị: nghìn tỉ đồng) (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB thống kê, 2017) Theo bảng số liệu, trong giai đoạn 2000 - 2016 tỉ trọng GDP của khu vực dịch vụ tăng

Năm	Tổng số	Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	441,7	108,4	162,2	171,1
2016	3542,1	697,0	1308,0	1537,2

A. 4,7%.

B. 3,7%.

C. 4.1 %.

D. 2,7 %.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa Việt Nam trang 21, hãy cho biết ngành sản xuất ô tô ở nước ta (năm 2007) mới chỉ có ở các trung tâm công nghiệp nào sau đây?

A. TP. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu.

B. Hà Nội và Đà Nẵng.

C. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

D. Hà Nội và Hải Phòng.

Câu 19: Để tận dụng nguồn thủy năng trên các hệ thống sông lớn ở Tây Nguyên, hàng loạt các công trình thủy điện đã được xây dựng theo kiểu

A. bậc thang.

B. song song

C. so le.

D. nổi tiến.

Câu 20: Khu Công nghiệp nước ta phân bố tập trung nhiều nhất ở vùng

A. đồng bằng sông Hồng.

B. duyên hải Nam Trung Bộ.

C. đồng bằng sông Cửu Long

D. Đông Nam Bộ.

Câu 21: Ở nước ta tuyến đường ống vận chuyển xăng dầu B12 là tuyến nối

A. Bà Rịa - Vũng Tàu với TP. Hồ Chí Minh.

B. Bãi Cháy - Hạ Long tới các tỉnh của đồng bằng sông Hồng.

C. Bà Rịa - Vũng Tàu với Dung Quất (Quảng Ngãi).

D. Bà Rịa - Vũng Tàu với vịnh Vân Phong.

Câu 22: Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta là

A. nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.

B. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

C. thị trường tiêu thụ và chính sách phát triển.

D. nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.

Câu 23: Đại cận nhiệt gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Chỉ có 2 tháng nhiệt độ trên 25°C.

B. Các tháng nhiệt độ trên 28°C.

C. Không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C.

D. Không có tháng nhiệt độ dưới 25°C.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

A. Con Voi.

B. Cai Kinh.

C. Đông Triều.

D. Pu Đen Đinh.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng IX?

A. Đà Nẵng.

B. Thanh Hóa

C. Nha Trang.

D. Đồng Hới

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào của nước ta giáp cả với Lào và Campuchia?

A. Quảng Trị.

B. Gia Lai.

C. Nghệ An.

D. Kon Tum.

Câu 27: Ngành đánh bắt thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long thuận lợi hơn ở Đồng bằng sông Hồng là do

A. người dân có kinh nghiệm hơn.

B. công nghiệp chế biến phát triển.

C. có một mùa lũ trong năm.

D. có nguồn lợi thủy sản phong phú.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết crôm có nhiều ở nơi nào sau đây?

A. Thạch Khê.

B. Quỳ Châu.

C. Tiên Hải.

D. Cổ Định.

Câu 29: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

A. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

B. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

C. hình thành thêm nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

D. phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

Câu 30: Khó khăn lớn nhất đối với phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô là hiện tượng

A. xâm nhập mặn và bốc phèn.

B. cháy rừng.

C. thiếu nước ngọt.

D. thủy triều tác động mạnh.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa Việt Nam trang 15, quy mô dân số các đô thị sau đây ở vùng Đồng bằng sông Hồng (năm 2007) xếp theo thứ tự giảm dần là

A. Hà Nội, Nam Định, Hải Dương.

B. Hà Nội, Hải Dương, Nam Định.

C. Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương

D. Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định.

Câu 32: Thế mạnh nổi bật nhất của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là

A. khai thác khoáng sản.

B. khai thác lâm sản.

C. vị trí trung chuyển Bắc - Nam.

D. khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản và rừng.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 22, cho biết ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm đúng với trung tâm công nghiệp Cà Mau là

A. lương thực sản phẩm chăn nuôi, đường, sữa, bánh kẹo.

B. thủy hải sản, lương thực, sản phẩm chăn nuôi.

C. lương thực, thủy sản, rượu, bia, nước giải khát.

D. thủy hải sản, chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều.

Câu 34: Các nước đứng đầu về xuất khẩu gạo trong khu vực Đông Nam Á là

A. Thái Lan, Việt Nam.

B. Lào, In-đô-nê-xi-a

C. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a

D. Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Câu 35: Nhân tố chủ yếu để đảm bảo cho sự phát triển ổn định cây công nghiệp nước ta là

A. thị trường tiêu thụ sản phẩm.

B. điều kiện tự nhiên thuận lợi.

C. mạng lưới cơ sở chế biến sản phẩm.

D. kinh nghiệm sản xuất của người lao động.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có cả khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển?

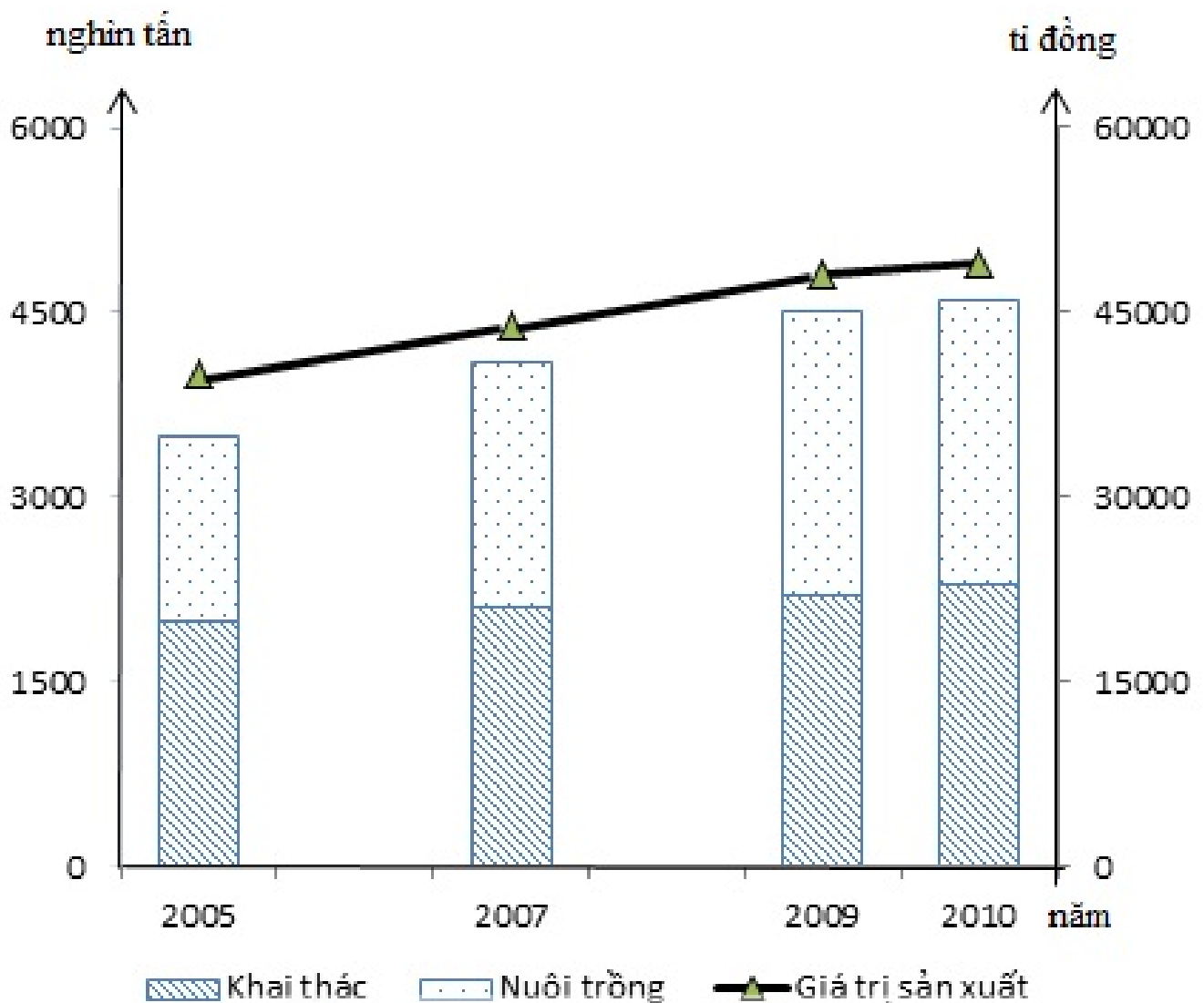
A. Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Kiên Giang.

B. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Kiên Giang.

C. Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình và An Giang.

D. Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình và An Giang

Câu 37: Cho biểu đồ: Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?



A. Giá trị khai thác thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2010

B. Giá trị nuôi trồng thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2010.

C. Tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2010.

D. Sản lượng ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2010.

Câu 38: Tỷ lệ dân thành thị nước ta tăng trong những năm gần đây là do

A. phân bố lại dân cư giữa thành thị và nông thôn.

B. di dân tự phát từ nông thôn ra thành thị.

C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mở rộng, quy hoạch các đô thị.

D. tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao hơn nông thôn.

Câu 39: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, điểm du lịch biển nào sau đây không thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Đá Nhảy

B. Ninh Chữ.

C. Dốc Lết.

D. Mỹ Khê.

Câu 40: Biện pháp phòng tránh bão có hiệu quả nhất hiện nay là

A. củng cố đê chắn sóng ven biển.

B. nhanh chóng khắc phục hậu quả của bão.

C. huy động toàn bộ sức người, sức của để chống bão.

D. dự báo chính xác về cấp độ và hướng đi của bão để phòng chống bão.

BẢNG ĐÁP ÁN

1 - B	2 - B	3 - C	4 - C	5 - A	6 - D	7 - B	8 - A	9 - B	10 - B
11 - C	12 - A	13 - D	14 - D	15 - C	16 - C	17 - A	18 - C	19 - A	20 - D
21 - B	22 - B	23 - C	24 - D	25 - B	26 - D	27 - D	28 - D	29 - B	30 - C
31 - A	32 - D	33 - B	34 - A	35 - A	36 - A	37 - C	38 - C	39 - A	40 - D